

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2020/HS-ST
Ngày 30-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trung;

Bà Đoàn Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Sầm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 và 31 tháng 12 năm 2020. Tại Trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2020/TLST- HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Vũ D (tên gọi khác: Không); sinh ngày 19 tháng 6 năm 1994 tại huyện T, tỉnh Thái Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn X, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Nhân viên công ty sơn I; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A (đã chết) và bà Vũ Thị G (sinh năm 1960); có vợ Vũ Thị Hải Y (sinh năm 1994), có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/8/2020 đến ngày 04/10/2020 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp cho bảo lãnh; có mặt.

- Bị hại: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1985, trú tại: thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người làm chứng: Hoàng Thị C, sinh năm 1988; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 ngày 03/8/2020 Nguyễn Vũ D (là nhân viên công ty sơn I- Chi nhánh Lạng Sơn) đi ăn cơm khách sau đó về Văn phòng công ty tại tổ E, khối F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để ngủ tại phòng nghỉ. Khoảng 16 giờ Nguyễn Vũ D dậy và đi ra phòng làm việc thì thấy chị Hoàng Thị T (là kế toán công ty; sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: Xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) đang ngồi làm việc, Nguyễn Vũ D và Hoàng Thị T có nói chuyện với nhau sau đó Nguyễn Vũ D lấy chìa khóa cửa cuốn điều khiển kéo cửa cuốn xuống và nói không làm việc nữa, thấy vậy Hoàng Thị T cầm chìa khóa cửa cuốn điều khiển kéo cửa cuốn lên, không để Nguyễn Vũ D khóa cửa nhưng Nguyễn Vũ D tiếp tục giành lấy chìa khóa để khóa cửa cuốn. Sau đó Nguyễn Vũ D kéo tay Hoàng Thị T lôi vào trong phòng ngủ cạnh phòng làm việc, Hoàng Thị T phản ứng lại không cho Nguyễn Vũ D kéo nhưng Nguyễn Vũ D tiếp tục kéo Hoàng Thị T đến gần giường của phòng ngủ thì Hoàng Thị T ngồi bệt xuống đất, phản kháng lại nên Nguyễn Vũ D bế Hoàng Thị T lên giường đồng thời Nguyễn Vũ D cũng trèo lên giường mục đích để giao cấu với Hoàng Thị T. Lúc này Hoàng Thị T bắt người dậy thì Nguyễn Vũ D kéo Hoàng Thị T xuống rồi ngồi lên trên người Hoàng Thị T, giữ hai tay, rồi nằm xuống và vắt chân sang bên trái của Hoàng Thị T, Nguyễn Vũ D dùng tay trái cởi và kéo quần lót, quần bò của Hoàng Thị T xuống mắt cá chân và cởi quần của mình để chuẩn bị giao cấu với Hoàng Thị T thì Hoàng Thị T phản kháng lại, giãy dụa, chống cự lại nên Hoàng Thị T bị ngã xuống giường. Thấy Hoàng Thị T ngã Nguyễn Vũ D nhảy xuống giường, đè lên người Hoàng Thị T thì bị Hoàng Thị T cào vào mặt, cổ, một tay túm lấy cổ áo của Nguyễn Vũ D và kéo ghì xuống đất khiến Nguyễn Vũ D khó thở nên Nguyễn Vũ D bảo Hoàng Thị T bỏ tay ra nhưng Hoàng Thị T không bỏ nên Nguyễn Vũ D nói với Hoàng Thị T: “em sai rồi, chị có tha thứ cho em không”, Hoàng Thị T đồng ý, bỏ tay ra khỏi cổ áo Nguyễn Vũ D, đồng thời Nguyễn Vũ D buông tay rồi đứng dậy mặc quần áo, Hoàng Thị T cầm quần áo chạy vào nhà vệ sinh mặc và gọi điện cho em gái là Hoàng Thị C (sinh năm 1988, trú tại: Thôn N, xã D, thành phố S) biết sự việc rồi được đưa đến cơ quan Công an trình báo.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) quần đùi màu xanh rêu thu tại hiện trường vụ án; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Vũ D; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu xanh ngọc của Nguyễn Vũ D.

Tại Giấy xét nghiệm của Phòng khám đa khoa trung tâm Lạng Sơn kết luận: Bị cáo có kết quả xét nghiệm HIV âm tính.

Tại Bản cáo trạng số: 90/CT-VKS ngày 27/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Vũ D về Tội hiếp dâm theo khoản 1 Điều 141 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Vũ D đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu. Tại phiên tòa bị cáo bị cáo xuất trình Biên lai thu tiền số 000192 ngày 29/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc với số tiền nộp khắc phục hậu quả là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng và tại phiên tòa bị cáo công khai xin lỗi chị Hoàng Thị T và gia đình chị Hoàng Thị T

và mong muốn chị Hoàng Thị T cùng gia đình tha thứ cho hành vi của bị cáo, cho bị cáo một con đường hoàn lương làm lại cuộc đời.

Bị hại chị Hoàng Thị T khai: Những nội dung bị cáo Nguyễn Vũ D đã khai thì chưa được đầy đủ, bản thân tôi còn bị bị cáo có hành vi dùng tay bịt miệng tôi không cho tôi kêu, dùng tay bóp vú, sờ vào bộ phận sinh dục của tôi.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Hoàng Thị T yêu cầu bị cáo Nguyễn Vũ D bồi thường về danh dự, nhân phẩm, tổn thất tinh thần và phần thu nhập thực tế bị mất do sau khi xảy ra sự việc, chị Hoàng Thị T bị Công ty cho nghỉ việc nên hiện tại chị không có thu nhập với tổng số tiền là 50.900.000 (năm mươi triệu chín trăm nghìn) đồng bao gồm tiền bồi thường về danh dự, nhân phẩm, tổn thất tinh thần 10 tháng lương cơ bản là 14.900.000 (mười bốn triệu chín trăm nghìn) đồng và phần thu nhập thực tế bị mất 06 tháng là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng. Còn về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xử theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí bồi thường về danh dự, nhân phẩm, tổn thất tinh thần và phần thu nhập thực tế bị mất cho chị Hoàng Thị T là 50.900.000 (năm mươi triệu chín trăm nghìn) đồng theo yêu cầu của chị Hoàng Thị T.

Tại phiên tòa người làm chứng khai: Bị cáo thực hiện hành vi hiếp dâm chị Hoàng Thị T tôi không được chứng kiến. Sau khi sự việc xảy ra chị Hoàng Thị T (là chị gái) mới gọi điện cho tôi báo là chị ấy bị hiếp dâm đến đón chị về. Tôi cùng với chồng tôi đến đón chị Hoàng Thị T khi đến nơi do nóng giận, không bình tĩnh tôi đã có hành vi đánh bị cáo, nhưng sức tôi không làm bị cáo bị thương tích được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ D phạm Tội hiếp dâm.

Căn cứ khoản 1 Điều 141; Điều 15; Điều 48; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 57, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ D từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm. Buộc bị cáo phải công khai xin lỗi bị hại (tại phiên tòa bị cáo đã công khai xin lỗi bị hại).

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) quần đùi màu xanh rêu là vật chứng không có giá trị sử dụng.

Trả cho bị cáo Nguyễn Vũ D 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Vũ D và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu xanh ngọc vì không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Vũ D và bị hại Hoàng Thị T. Cụ thể: Bị cáo Nguyễn Vũ D có trách nhiệm bồi thường về danh dự, nhân phẩm, tổn thất tinh

thần và phần thu nhập thực tế bị mất cho bị hại Hoàng Thị T tổng số tiền là 50.900.000 (năm mươi triệu chín trăm nghìn) đồng.

Bị cáo, bị hại nhất trí với đề nghị của Đại diện viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Lời sau cùng bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi và tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, cũng phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, nguyên nhân, động cơ và mục đích phạm tội, phù hợp với vật chứng thu giữ được, có đủ căn cứ xác định: Bị cáo Nguyễn Vũ D đã thực hiện hành vi dùng vũ lực, nhằm mục đích thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của nạn nhân là chị Hoàng Thị T, xảy ra vào khoảng 16 giờ ngày 03/8/2020 tại chi nhánh Công ty sơn I, địa chỉ tổ E, khối F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Hành vi của bị cáo đã phạm vào Tội hiếp dâm được quy định tại khoản 1 Điều 141 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác, ảnh hưởng đến tình hình An ninh trật tự trên địa bàn huyện Cao Lộc, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Trong quá trình xảy ra sự việc, Nguyễn Vũ D chưa thực hiện được hành vi quan hệ tình dục với chị T là nằm ngoài ý muốn của bị cáo vì bị hại chị Hoàng Thị T chống cự quyết liệt cào vào mặt, cổ, một tay túm lấy cổ áo của Nguyễn Vũ D và kéo ghì xuống đất, nên khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo cần áp dụng tình tiết phạm tội chưa đạt theo Điều 15 và mức án theo Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo. Ngoài ra để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo như sau:

[4] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc để bồi thường khắc phục hậu quả; tại phiên tòa công khai xin lỗi bị hại và gia đình bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định điểm b, s khoản 1 Điều của 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại chị Hoàng Thị T yêu cầu bị cáo Nguyễn Vũ D bồi thường về danh dự, nhân phẩm 10 tháng lương cơ bản là 14.900.000 (mười bốn triệu chín trăm nghìn) đồng và phần thu nhập thực tế bị mất 06 tháng lương là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng. Tổng số tiền là 50.900.000 (năm mươi triệu chín trăm nghìn) đồng, bị cáo nhất trí bồi thường cho chị Hoàng Thị T số tiền trên. Hội đồng xét thấy việc thỏa thuận bồi thường trên không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Cần công nhận sự thỏa thuận này.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) quần đùi màu xanh rêu của bị cáo Nguyễn Vũ D. Xét thấy đây là vật chứng không có giá trị sử dụng. Tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Vũ D và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu xanh ngọc. Xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Vũ D.

[10] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát đối với bị cáo phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự nên phải chịu án phí có giá ngạch sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

[12] Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 141; Điều 15; Điều 48; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 57; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; điểm c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106; khoản 1 Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ các điều 584, 585, 586, 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ D phạm Tội hiếp dâm.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ D 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án 30/12/2020. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp những người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Vũ D và bị hại Hoàng Thị T. Bị cáo có trách nhiệm bồi thường về danh dự, nhân phẩm, tổn thất tinh thần và phần thu nhập thực tế bị mất cho bị hại Hoàng Thị T số tiền 50.900.000 (năm mươi triệu chín trăm nghìn) đồng, được khấu trừ đi số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng đã bồi thường trước theo Biên lai thu tiền số 0000192 ngày 29/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc. Bị cáo Nguyễn Vũ D còn phải bồi thường thêm số tiền là 20.900.000 (hai mươi triệu chín trăm nghìn) đồng cho bị hại Hoàng Thị T.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) quần đùi màu xanh rêu; trả lại cho bị cáo Nguyễn Vũ D 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Vũ D và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu xanh ngọc.

(Các vật chứng trên được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Vũ D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.045.000 (một triệu không trăm bốn mươi năm nghìn) đồng tiền án phí có giá ngạch. Tổng số tiền là 1.245.000 (một triệu hai trăm bốn mươi năm nghìn) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại báo cho biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn (1b);
- VKSND huyện Cao Lộc (1b);
- Công an huyện Cao Lộc (2b);
- Chi cục THA dân sự huyện Cao Lộc (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bị hại (1b);
- Người có QL&NVLQ (1b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng; hồ sơ vụ án) (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Thị Hà